

Số: 328 /QĐ-VKSTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Thưởng tiền do được tặng Giấy khen

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng năm 2003 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2005 và năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

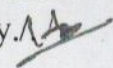
Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 01/2019/TT-VKSTC ngày 14/5/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong Ngành Kiểm sát nhân dân;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thưởng 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) cho mỗi tập thể; 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) cho mỗi cá nhân các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao do đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện cuộc vận động xây dựng đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên “Vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm và bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm” gắn với phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức Ngành Kiểm sát nhân dân thi đua thực hiện văn hóa công sở” năm 2020 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các tập thể, cá nhân có tên trong danh sách tại Điều 1 thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các đ/c Lãnh đạo VKSNDTC;
- Phòng Tài vụ thuộc Văn phòng;
- Phòng Trang tin điện tử VKSNDTC;
- Lưu: VT, V16.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Nguyễn Hải Trâm



DANH SÁCH

Thưởng tiền cho tập thể và cá nhân các đơn vị
thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao được tặng Giấy khen
trong phong trào thi đua xây dựng đội ngũ cán bộ, kiểm sát viên “Vững về
chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm và bản lĩnh,
kỷ cương và trách nhiệm” gắn với phong trào thi đua “Cán bộ, công chức,
viên chức Ngành Kiểm sát nhân dân thi đua thực hiện văn hóa công sở”

(Kèm theo Quyết định số 328/QĐ-VKSTC ngày 16 tháng 9 năm 2020
của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

I. TẬP THỂ

VỤ THQCT VÀ KSĐT ÁN MA TÚY

1. Phòng Tham mưu, tổng hợp;
2. Phòng Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra án miền Trung;

VỤ THQCT VÀ KSĐT ÁN XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP, THAM NHỮNG, CHỨC VỤ XẢY RA TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP

3. Phòng THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố;
4. Phòng THQCT và kiểm sát điều tra án xâm phạm hoạt động tư pháp, tham những, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp hình sự;

VỤ KIỂM SÁT VIỆC TẠM GIỮ, TẠM GIAM VÀ THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

5. Phòng Kiểm sát thi hành án hình sự ngoài hình phạt tù;

VỤ KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÀNH CHÍNH, VỤ VIỆC KINH DOANH, THƯƠNG MẠI, LAO ĐỘNG VÀ NHỮNG VIỆC KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

6. Phòng Kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính;

VỤ KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

7. Phòng Tham mưu, tổng hợp;



**VỤ KIỂM SÁT VÀ GIẢI QUYẾT ĐƠN KHIẾU NẠI, TỐ CÁO
TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP**

8. Phòng Tiếp công dân;

VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ

9. Phòng Tham mưu, tổng hợp;
10. Phòng Quản lý các dự án quốc tế;

VỤ PHÁP CHẾ VÀ QUẢN LÝ KHOA HỌC

11. Phòng Tội phạm học;

VĂN PHÒNG

12. Phòng Cơ yếu;
13. Phòng Trang tin điện tử;
14. Phòng Quản trị;

CỤC THỐNG KÊ TỘI PHẠM VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

15. Phòng Thống kê hình sự;

CỤC KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH

16. Phòng Tài sản và trang phục;
17. Phòng Đầu tư xây dựng;

THANH TRA

18. Phòng Tham mưu, tổng hợp;
19. Phòng Thanh tra công tác hành chính, nội vụ./.

II. CÁ NHÂN

VỤ THQCT VÀ KSĐT ÁN MA TÚY

1. Nguyễn Văn Hải Vụ trưởng;
2. Đinh Công Cảnh Phó Vụ trưởng;
3. Hoàng Văn Sơn Phó Vụ trưởng;
4. Lương Thanh Sơn Phó Vụ trưởng;
5. Nguyễn Đức Giang Trưởng phòng 1;
6. Bùi Thị Thu Hương Kiểm tra viên;
7. Trần Thế Vinh Trưởng phòng 2;
8. Nguyễn Minh Hoàng Kiểm tra viên trung cấp;
9. Nguyễn Quỳnh Xuân Kiểm tra viên sơ cấp;
10. Nguyễn Văn Thuận Trưởng phòng 3;
11. Nguyễn Tiến Trung Kiểm tra viên trung cấp;
12. Trần Trung Hiền Kiểm tra viên;
13. Nguyễn Thị Thu Dung Kiểm tra viên sơ cấp;
14. Nguyễn Văn Thiện Kiểm tra viên sơ cấp;

VỤ THQCT VÀ KSĐT ÁN XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP, THAM NHŨNG, CHỨC VỤ XẢY RA TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP

15. Hoàng Chí Kiên Trưởng phòng 2;
16. Nguyễn Thị Thu Hương Trưởng phòng 1;
17. Phạm Văn Nhân Phó Trưởng phòng 4;
18. Phạm Huy Cường Phó Trưởng phòng 2;
19. Trần Thị Hiền Phó Trưởng phòng 1;
20. Nguyễn Thị Yến Kiểm tra viên trung cấp;
21. Phạm Thị Thu Hương Kiểm tra viên trung cấp;
22. Vũ Thị Thu Hường Kiểm tra viên trung cấp;

- | | | |
|-----|-------------------|--------------------------|
| 23. | Phạm Thanh Tuyền | Kiểm tra viên trung cấp; |
| 24. | Lê Thị Hạnh Giang | Kiểm tra viên trung cấp; |
| 25. | Nguyễn Đức Anh | Kiểm tra viên sơ cấp; |

VỤ KIỂM SÁT VIỆC TẠM GIỮ, TẠM GIAM VÀ THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

- | | | |
|-----|------------------|-----------------------|
| 26. | Quàng Thị Tuyết | Trưởng phòng 4; |
| 27. | Nguyễn Nhật Lệ | Kiểm sát viên sơ cấp; |
| 28. | Nguyễn Hồng Quân | Kiểm sát viên sơ cấp; |
| 29. | Vũ Hoàng | Kiểm sát viên sơ cấp; |

**VỤ KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÀNH CHÍNH, VỤ VIỆC
KINH DOANH, THƯƠNG MẠI, LAO ĐỘNG VÀ NHỮNG VIỆC KHÁC
THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT**

- | | | |
|-----|-----------------------|-----------------------|
| 30. | Tạ Quốc Hưng | Kiểm tra viên; |
| 31. | Lương Thị Phương Thúy | Kiểm sát viên sơ cấp; |
| 32. | Đỗ Thị Huyền | Kiểm sát viên sơ cấp; |
| 33. | Nguyễn Văn Huy | Kiểm sát viên sơ cấp; |
| 34. | Đỗ Thị Hậu | Kiểm sát viên sơ cấp; |

VỤ KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

- | | | |
|-----|--------------------|-------------------|
| 35. | Trần Huy | Phó Vụ trưởng; |
| 36. | Nguyễn Thị Kim Nhã | Phó Trưởng phòng; |
| 37. | Vũ Văn Tiểu | Phó Trưởng phòng; |
| 38. | Ngô Thế Vũ | Chuyên viên; |

**VỤ KIỂM SÁT VÀ GIẢI QUYẾT ĐƠN KHIẾU NẠI, TỐ CÁO
TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP**

- | | | |
|-----|----------------------|------------------------|
| 39. | Tạ Thị Hồng Hoa | Trưởng phòng 1; |
| 40. | Nghiêm Thị Bích Ngọc | Kiểm sát viên sơ cấp; |
| 41. | Bùi Diệu Linh | Kiểm sát viên cao cấp; |

42. Nguyễn Thị Hạnh Phó Trưởng phòng 3;
 43. Nguyễn Thị Hồng Nhung Kiểm sát viên sơ cấp;
 44. Nguyễn Đức Tuấn Kiểm sát viên sơ cấp;

VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ

45. Nguyễn Cẩm Tú Kiểm sát viên trung cấp;
 46. Phạm Quỳnh Anh Kiểm tra viên;
 47. Ngô Thị Thu Vân Chuyên viên;
 48. Trần Quyền Anh Chuyên viên;

VỤ PHÁP CHẾ VÀ QUẢN LÝ KHOA HỌC

49. Nguyễn Xuân Hà Phó Vụ Trưởng;
 50. Hoàng Thành Nam Trưởng phòng;
 51. Phạm Thị Đào Trưởng phòng;
 52. Trần Quỳnh Hoa Kiểm sát viên sơ cấp;
 53. Mai Thị Thanh Thảo Kiểm sát viên trung cấp;
 54. Kiều Thị Hà Kiểm sát viên sơ cấp;
 55. Bùi Nguyên Bằng Kiểm tra viên;

VỤ THI ĐUA – KHEN THƯỞNG

56. Phùng Văn Chiến Phó Vụ trưởng;
 57. Nguyễn Phương Nhung Kiểm sát viên sơ cấp;
 58. Nguyễn Thanh Hoa Kiểm tra viên;
 59. Vũ Đăng Anh Chuyên viên;

VĂN PHÒNG

60. Nguyễn Quang Vịnh Kiểm sát viên sơ cấp;
 61. Nguyễn Thị Thanh Huyền Chuyên viên;
 62. Lê Đức Sơn Trưởng phòng;

- | | | |
|-----|----------------------|---------------|
| 63. | Bùi Vũ Hoàng | Chuyên viên; |
| 64. | Phạm Thị Hoài Phương | Chuyên viên; |
| 65. | Nguyễn Thị Thanh | Nhân viên; |
| 66. | Hoàng Hữu Quân | Nhân viên; |
| 67. | Hoàng Văn Hương | Nhân viên; |
| 68. | Phạm Thị Lan Hương | Trưởng phòng; |
| 69. | Lê Thị Thu Hiền | Nhân viên; |
| 70. | Huỳnh Kim Hải | Nhân viên; |
| 71. | Đoàn Thị Thủy | Nhân viên; |
| 72. | Trần Kim Yến | Nhân viên; |
| 73. | Nguyễn Văn Nhất | Lái xe; |
| 74. | Nguyễn Phúc Hùng | Lái xe; |
| 75. | Vũ Tuấn Anh | Lái xe; |
| 76. | Hoàng Minh Giang | Lái xe; |
| 77. | Trần Hoàng Tâm | Lái xe; |
| 78. | Nguyễn Phương Bình | Nhân viên; |
| 79. | Nguyễn Bảo Anh | Bảo vệ; |

CỤC THỐNG KÊ TỘI PHẠM VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

- | | | |
|-----|------------------------|-------------------|
| 80. | Nguyễn Thị Định | Phó Trưởng phòng; |
| 81. | Nguyễn Thị Hương Giang | Trưởng phòng; |
| 82. | Vũ Thị Vân Anh | Kiểm tra viên; |
| 83. | Nguyễn Minh Hải | Chuyên viên; |

CỤC KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH

- | | | |
|-----|-------------------|-------------------|
| 84. | Trần Thị Thu Thủy | Trưởng phòng; |
| 85. | Trần Mạnh Quân | Phó Trưởng phòng; |

- | | | |
|-----|--------------------|--------------------|
| 86. | Phạm Thị Ca | Chuyên viên chính; |
| 87. | Nguyễn Phương Thảo | Chuyên viên; |
| 88. | Vũ Thị Tâm | Chuyên viên; |
| 89. | Nguyễn Thùy Linh | Chuyên viên; |

THANH TRA

- | | | |
|-----|-------------------|--------------------------|
| 90. | Nguyễn Hữu Cảnh | Trưởng phòng; |
| 91. | Nguyễn Hưng Hùng | Trưởng phòng; |
| 92. | Nguyễn Tường Linh | Trưởng phòng; |
| 93. | Trần Thị Hòa | Phó Trưởng phòng; |
| 94. | Nguyễn Văn Ninh | Phó Trưởng phòng; |
| 95. | Trần Thu Hằng | Kiểm sát viên trung cấp; |
| 96. | Đỗ Thị Thùy Linh | Chuyên viên; |
| 97. | Nguyễn Thành Công | Chuyên viên./. |



